

Số: 87/2020/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 17 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn*: Anh Cao Tiến D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

(Hiện nay anh D đang phải cải tạo tại: Đội 5, K 1; Trại giam V - Bộ Công an; tại địa chỉ: Xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc).

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Thị Tuyết M và anh Cao Tiến D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị Ngô Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Cao Anh Đ, sinh ngày 26/12/2015. Anh Cao Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Ngô Thị Tuyết M không yêu cầu nhưng anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và Công sức:* Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3 *Về án phí:* Chị Ngô Thị Tuyết M tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003663 ngày 23/6/2020; tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị M được hoàn trả số tiền chênh lệch 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án DS;
- UBND xã C;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hán Hưởng**